

Bản án số: 37/2019/HS-ST
Ngày: 11 - 7 - 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Xuân Luyện;
2. Ông Nguyễn Thế Quý;

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HS ngày 28/6/2019, đối với bị cáo:

+ **Nguyễn Duy T** - sinh năm 1996; nơi ĐKKTT và nơi ở: Thôn MC, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Lê Thị L1, con ông không xác định được; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2019 đến ngày 06/4/2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Anh Nguyễn Sơn H1 - sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn MC, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Lê Tiến B - sinh năm 1996; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt,
 2. Anh Bùi Văn S - sinh năm 1996; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt,
- Cùng cư trú tại: Thôn ĐV, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

3. Anh Phạm Văn Tr - sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn PT, xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định; có mặt,

4. Anh Lê Xuân D - sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Bà Phạm Thị L2 - sinh năm 1957, có mặt;

2. Anh Nguyễn Hải S - sinh năm 1995, có mặt;

3. Chị Đinh Thị T2 - sinh năm 1997, vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Viết T3 - sinh năm 1979, vắng mặt;

5. Ông Phạm Xuân H2 - sinh năm 1975, vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn MC, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

6. Anh Nguyễn Hoài N - sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn LC, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

7. Anh Lại Văn D1 - sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn V, xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

8. Ông Đinh Văn T3 - sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn ĐB, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy T và anh Nguyễn Sơn H1 sinh sống cùng thôn và có quan hệ họ hàng với nhau. Tối ngày 01/3/2019, T và anh Sơn H1 đến ngủ tại gia đình bác ruột là bà Phạm Thị L2 ở cùng thôn. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 02/3/2019, anh Hải S (là con trai bà L2) và anh Sơn H1 ra chuẩn bị xe để đi làm thì anh Sơn H1 phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS 90B1-849.33 của mình bị trục trặc, nên để lại chiếc xe tại sân nhà bà L2; còn giấy tờ xe và giấy tờ tùy thân vẫn để ở trong ví trên giường ngủ nhà bà L2, rồi cùng anh Hải S đi làm tại Công ty JY Hà Nam. Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, T dậy và đi ra quán cắt tóc của anh Lại Văn D1 chơi. Tại đây, T mượn điện thoại của anh D1 gọi cho anh Sơn H1 và anh Hải S để hỏi mượn chiếc xe mô tô của anh Sơn H1 đang để ở sân nhà bà L2, nhưng cả hai anh đều không đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T quay về nhà bà L2, thấy có chị T2 (con dâu bà L2) đang bế con ở trong buồng, còn bà L2 đang dọn dẹp ở trong bếp, nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của anh Sơn H1. T một mình dắt chiếc xe mô tô BKS 90B1-849.33 đi ra quán sửa xe của anh Nguyễn Viết T3 ở cùng thôn và nói với anh T3: “Cho em cầm chiếc xe này”, anh T3 trả lời: “Anh không cầm”. Thấy vậy, T

dắt chiếc xe sang quán cắt tóc của anh Nguyễn Hoài N ở thôn LC, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam. T mượn điện thoại của anh N gọi cho anh Lê Tiến B ở thôn ĐV, xã TN nói: “*Bạn ơi, mình có cái xe muốn cầm*”, anh B hỏi: “*Xe gì, có giấy đăng ký không?*”, T trả lời: “*Xe Excitex của nhà, giấy tờ đầy đủ*”, anh B nói: “*Bây giờ bạn bán bao nhiêu?*”, T trả lời: “*10 triệu*”, anh B đồng ý và nói: “*Ừ*”. Sau đó, anh B gọi điện thoại nhờ anh Bùi Văn S ở cùng thôn ra xem xe. Sau khi gọi điện cho anh B, T để chiếc xe ở quán cắt tóc của anh N rồi đi bộ về nhà bà L2. T lấy 01 chiếc ví màu đen của anh Sơn H1 để ở đầu giường ngủ, bên trong có giấy đăng ký xe mô tô BKS 90B1-849.33, căn cước công dân, giấy phép lái xe hạng B1, giấy phép lái xe hạng B2, thẻ ATM đều mang tên Nguyễn Sơn H1, rồi quay lại quán cắt tóc của anh N. Lúc này, anh Văn S đang xem xe; thấy T, anh Văn S hỏi: “*Xe có giấy tờ đầy đủ không?*”, T trả lời: “*Xe có giấy tờ*” và đưa đăng ký xe cho anh Văn S. Anh Văn S xem giấy tờ xe, thấy có đủ giấy tờ nhưng không chính chủ nên hỏi T: “*Xe không chính chủ à?*”, T trả lời: “*Xe của mình đây, bạn cứ yên tâm đi*”. Thấy T nói vậy, anh Văn S gọi điện cho anh B và nói: “*Xe có giấy tờ nhưng không chính chủ*”, anh B trả lời: “*Ừ. Mà chờ thằng T ra quán nhà anh Thiện đang xây nhà ở ngã ba Sở viết giấy*”. Lúc này, T nói với anh Văn S: “*Xe mình mất chìa khóa rồi, đẩy hộ mình ra TN sửa khóa*”. Anh Văn S điều khiển xe mô tô BKS 90B2-545.29 của mình để đẩy chiếc xe mô tô BKS 90B1-849.33 cùng T ra nhà ông Đinh Văn T3 ở thôn ĐB, xã TN, huyện TL để thay ổ khóa xe, nhưng ông T3 không đồng ý. Anh Văn S tiếp tục đẩy xe mô tô BKS 90B1-849.33 cùng T ra quán sửa xe của anh Phạm Văn Tr ở thôn PT, xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định để sửa khóa. Tại đây, T nói với anh Tr: “*Anh ơi thay cho em ổ khóa xe này*”, anh Tr trả lời: “*Được. 500.000 đồng, chiều mới lấy được xe*”, T nói tiếp: “*Thế em để xe đây, chiều bạn em đến lấy*”. Lúc này anh B gọi điện cho anh Văn S hỏi: “*Sửa xe xong chưa, xem có đi được không?*”, anh Văn S trả lời: “*Anh Tr bảo chiều hoặc mai mới lấy được xe*”. Thấy vậy, anh B nói tiếp: “*Xong rồi thì dẫn thằng T lên gặp D*”. Sau đó, anh Văn S và T đi đến gặp anh Lê Xuân D ở thôn ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định để viết hợp đồng mua bán xe với giá 10 triệu đồng. Tại đây, anh Văn S lấy số tiền 10 triệu đồng mà anh B đưa trước đó rồi đưa cho anh D. Sau khi viết xong hợp đồng mua bán xe, T đưa cho anh D 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 90B1-849.33 và 01 căn cước công dân đều mang tên Nguyễn Sơn H1, anh D đưa cho T số tiền 10 triệu đồng; còn hợp đồng mua bán xe, đăng ký xe, căn cước công dân, anh D cầm đưa cho anh Văn S. Sau khi nhận đủ số tiền bán xe từ anh D, T nhờ anh Văn S chở ra ngã tư Xuân Thành. Khi xuống xe, T đưa cho anh Văn S số tiền 1.000.000 đồng để anh Văn S trả tiền thay khóa xe cho anh Tr 500.000 đồng, còn 500.000 đồng thì T cho anh Văn S. Đến ngày 03/3/2019, anh Văn S đến quán sửa xe của anh Tr lấy chiếc xe mô tô BKS 90B1-849.33 rồi mang xe cùng hợp đồng mua bán

xe, đăng ký xe, căn cước công dân mang tên Nguyễn Sơn H1 đến nhà đưa cho anh B.

Sau khi bán xong chiếc xe mô tô trộm cắp của anh Sơn H1, T bắt xe ô tô khách lên Hà Nội chơi và tiêu sài hết số tiền trên. Đến cuối tháng 3 năm 2019, T mang chiếc ví da màu đen bên trong có 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy phép lái xe ô tô đều mang tên Nguyễn Sơn H1 về trả lại cho anh Sơn H1.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Nguyễn Sơn H1 đã làm đơn trình báo Công an huyện Thanh Liêm. Nhận được tin báo, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Liêm đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, đồng thời tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và tạm giữ đối với Nguyễn Duy T để điều tra.

** Tài sản, vật chứng thu giữ gồm:*

+ Anh Lê Tiến B tự nguyện giao nộp: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 90B1-849.33; 02 (hai) chiếc chìa khóa xe mô tô; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 90B1-849.33 và 01 (một) căn cước công dân cùng mang tên Nguyễn Sơn H1; 01 (một) giấy hợp đồng mua bán xe giữa Nguyễn Duy T và Lê Tiến B.

+ Anh Nguyễn Sơn H1 tự nguyện giao nộp: 02 (hai) chiếc chìa khóa xe mô tô; 01 (một) chiếc ví da màu đen bên trong có 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 giấy phép lái xe ô tô đều mang tên Nguyễn Sơn H1.

+ Anh Phạm Văn Tr tự nguyện giao nộp: 01 cụm khóa điện và 01 ổ khóa yên xe của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 89/KL-HĐĐGTS ngày 03/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thanh Liêm xác định: Xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh-trắng, BKS 90B1-849.33, đã qua sử dụng, có số khung RLCE55P10EY457509, số máy 55P1457519; đăng ký lần đầu ngày 06/11/2014 có giá trị là 18.500.000đ (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Sơn H1 không có yêu cầu, đề nghị gì. Anh Lê Tiến B không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng mà anh đã bỏ ra để mua chiếc xe mô tô do T trộm cắp.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 29/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm đã truy tố Nguyễn Duy T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự - Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 15 tháng đến 18 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; buộc bị cáo phải nộp án phí hình

sự sơ suất theo quy định. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cụm khóa điện xe mô tô đã qua sử dụng và 01 ổ khóa yên xe; 02 chiếc chìa khóa xe mô tô nhiều cạnh đã qua sử dụng. Trả lại cho anh Nguyễn Sơn H1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 90B1-849.33, 02 chiếc chìa khóa xe mô tô trên thân chìa khóa có dòng chữ A6261028, 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 90B1-849.33 và 01 căn cước công dân cùng mang tên Nguyễn Sơn H1; 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy phép lái xe ô tô và 01 chiếc ví da màu đen. Lưu tại hồ sơ vụ án 01 giấy hợp đồng mua bán xe giữa Lê Tiến bộ và Nguyễn Duy T.

- Bị cáo Nguyễn Duy T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại đề nghị nhận lại các tài sản của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Phạm Văn Tr không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Người làm chứng trình bày những tình tiết mà mình biết về vụ án và không có yêu cầu, đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Duy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu sài cá nhân, khoảng 10 giờ ngày 02/3/2019, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Duy T đã lén lút vào sân nhà bà Phạm Thị L2 ở thôn MC, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh-trắng, BKS 90B1-849.33 của anh Nguyễn Sơn H1. Giá trị tài sản T trộm cắp là 18.500.000 đồng.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt

có giá trị trên hai triệu đồng và dưới năm mươi triệu đồng. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử kết luận: Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm truy tố Nguyễn Duy T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Qua xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo coi thường pháp luật, tuổi còn trẻ nhưng không chịu khó lao động, tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại muốn hưởng thụ trên mồ hôi, công sức lao động của người khác. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, nên miễn phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu, đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 cụm khóa điện xe mô tô đã qua sử dụng, trên mặt có dòng chữ IGNITION và 01 ổ khóa yên xe của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter; 02 chiếc chìa khóa xe mô tô nhiều cạnh đã qua sử dụng, trên phần thân nhựa của chìa khóa có ghi chữ INF: Nay không còn giá trị sử dụng, anh Nguyễn Sơn H1 không yêu cầu nhận lại, nên sẽ tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh-trắng, BKS 90B1-849.33, 02 chiếc chìa khóa xe mô tô trên thân chìa khóa có dòng chữ A6261028, 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 90B1-849.33, 01 căn cước công dân, 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe mô tô số 010159024808, 01 giấy phép lái xe ô tô số 010170095188 cùng mang tên Nguyễn Sơn H1 và 01 chiếc ví da màu đen: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Sơn H1, nên sẽ trả lại cho anh Sơn H1.

- Đối với 01 giấy hợp đồng mua bán xe giữa Lê Tiến B và Nguyễn Duy T: Đây là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, nay sẽ lưu tại hồ sơ vụ án.

[6] Đối với các anh Lê Tiến B, Bùi Văn S, Phạm Văn Tr và Lê Xuân D:

- Anh Lê Tiến B là người mua chiếc xe mô tô mà T đã trộm cắp của anh Nguyễn Sơn H1. Quá trình điều tra xác định, sau khi nhận mua chiếc xe của T, anh B đã nhờ anh Văn S xem xe và anh D hướng dẫn T viết hợp đồng mua bán xe. Anh B không trực tiếp gặp T để mua bán xe và cũng hoàn toàn không biết chiếc xe đó do T trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm đối với hành vi của anh B, là phù hợp pháp luật.

- Anh Bùi Văn S là người được anh B nhờ xem chiếc xe mô tô mà T đã trộm cắp của anh Sơn H1. Sau đó, anh Văn S dùng xe mô tô của mình đẩy chiếc xe mô tô mà T đã trộm cắp cùng T đi tìm cửa hàng để thay ổ khóa xe và được T cho 500.000 đồng. Quá trình điều tra xác định, anh Văn S không biết chiếc xe mô tô BKS 90B1-849.33 là tài sản do T trộm cắp mà có và số tiền trên T chỉ nói là cho anh tiền uống nước chứ anh không đòi hỏi gì từ T. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm đối với hành vi của anh Văn S cũng như truy thu số tiền trên, là phù hợp pháp luật.

- Anh Phạm Văn Tr là người đã thay khóa xe mô tô BKS 90B1-849.33 cho Nguyễn Duy T và nhận số tiền 500.000 đồng. Quá trình điều tra xác định, anh Tr và T không quen biết nhau, anh Tr hoàn toàn không biết về nguồn gốc chiếc xe anh thay khóa là do T trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm đối với hành vi của anh Tr và truy thu số tiền trên, là phù hợp pháp luật.

- Anh Lê Xuân D là người hướng dẫn T viết giấy bán xe cho anh B. Quá trình điều tra xác định, anh D và T không quen biết nhau, việc anh D hướng dẫn T viết giấy bán xe cho anh B là do anh B gọi điện nhờ; anh D hoàn toàn không biết chiếc xe mô tô BKS 90B1-849.33 là tài sản do T trộm cắp mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm đối với hành vi của anh D, là phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là 28/3/2019.

2. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cụm khóa điện xe mô tô đã qua sử dụng, trên mặt có dòng chữ IGNITION và 01 (một) ổ khóa yên xe của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter; 02 (hai) chiếc chìa khóa xe mô tô nhiều cạnh đã qua sử dụng, trên phần thân nhựa của chìa khóa có ghi chữ INF.

- Trả lại cho anh Nguyễn Sơn H1: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh-trắng BKS 90B1-849.33, 02 (hai) chiếc chìa khóa xe mô tô trên thân chìa khóa có dòng chữ A6261028, 01 (một) chiếc ví da màu đen (Tình trạng vật chứng như trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/6/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Liêm với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Liêm) và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 90B1-849.33, 01 (một) giấy căn cước công dân, 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe mô tô số 010159024808, 01 giấy phép lái xe ô tô số 010170095188 cùng mang tên Nguyễn Sơn H1.

- Lưu tại hồ sơ vụ án 01 giấy hợp đồng mua bán xe giữa Lê Tiến B và Nguyễn Duy T.

3. Án phí: Bị cáo Nguyễn Duy T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Công an huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Liêm;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

Lại Xuân Cảnh